

Thứ năm, ngày 14 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/5/2020		•	
Tuần 11/5-15/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Diễn biến của VN-Index vẫn lặp lại như phiên giao dịch trước, nhịp điều chỉnh giảm mạnh vào đầu phiên rồi chỉ còn giảm nhẹ vào cuối phiên. Khối ngoại duy trì nhịp mua ròng với tỷ trọng tập trung chủ yếu ở cổ phiếu MSN có mức GDDT đạt 39 triệu cổ phiếu MSN, tương đương 2,482 tỷ đồng. Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với phiên trước, biên độ giao động hẹp và độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực báo hiệu tâm lý chốt lời ngắn hạn đang chủ đạo các hoạt động giao dịch trên thị trường. Với xu hướng như vậy, BSC duy trì quan điểm VN-Index sẽ vận động tích lũy ngắn hạn trong vùng điểm 800-850 trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2009, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.9%

Phân tích kỹ thuật: GEX_Nhịp tăng mạnh(Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.81 điểm**, đóng cửa **832.4**. HNX-Index **-0.52 điểm**, đóng cửa **111.34**.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+0.96); MSN (+0.67); VCB (+0.42); GEX(+0.15); BID (+0.11).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.76); GAS (-0.49); VNM (-0.35); GVR (-0.34); CTG(-0.32).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,507** tỷ đồng, giảm **-22.5%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 10.02 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **142** mã tăng, 67 mã tham chiếu và **172** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **2,451.65** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (2,473 tỷ)**, **VNM (80.85 tỷ)** và **VCB (51.75 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.94** tỷ đồng.

VN-INDEX **832.40**Giá trị: 4507.28 tỷ **-1.81 (-0.22%)**

Khối ngoại (ròng): 2451.65 tỷ

HNX-INDEX **111.34**Giá trị: 459.71 tỷ **-0.52 (-0.46%)**

Khối ngoại (ròng): -11.94 tỷ

UPCOM-INDEX **53.48**Giá trị: 0.3 tỷ **-0.25 (-0.47%)**

Khối ngoại (ròng): -21.21 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	26.1	3.28%
Giá vàng	1,717	0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,369	0.13%
Tỷ giá EUR/VND	25,266	-0.39%
Tỷ giá JPY/VND	21,876	0.27%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	2.47%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	2335.3	VIC	42.0
VNM	80.9	VRE	41.7
VCB	51.7	FRT	17.5
VPB	31.6	POW	10.3
HPG	26.5	HSG	10.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.9%	6.2%	9.4%	36.9%	-7.2%	-7.2%	22.7%
Xây dựng	0.2%	4.2%	8.6%	35.0%	-7.4%	-7.4%	22.1%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	1.2%	1.8%	17.7%	-5.8%	-5.8%	17.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	2.0%	8.6%	25.3%	-11.9%	-11.9%	22.1%
Nước & Năng lượng	-0.1%	3.3%	4.8%	27.3%	-9.7%	-9.7%	22.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.2%	2.7%	5.8%	23.8%	-14.2%	-14.2%	22.7%
VN FinSelect	-0.2%	5.4%	12.4%	29.5%	-9.4%	-9.4%	22.1%
FTSE Việt Nam	-0.2%	1.3%	8.4%	22.4%	-12.5%	-12.5%	15.6%
Lãi suất giảm	-0.3%	4.8%	8.2%	39.4%	-8.0%	-8.0%	19.2%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	4.9%	8.4%	45.1%	-6.5%	-6.5%	15.6%
Corona Avengers	-0.5%	3.8%	8.2%	44.3%	-4.9%	-4.9%	15.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	6.3%	10.2%	33.6%	-11.1%	-11.1%	17.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	4.3%	11.6%	29.7%	-10.2%	-10.2%	17.8%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	3.6%	6.9%	39.8%	-11.5%	-11.5%	17.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	1.7%	6.0%	37.1%	-7.1%	-7.1%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	4.6%	10.6%	37.1%	-12.5%	-12.5%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	3.3%	8.0%	29.3%	-10.9%	-10.9%	17.8%
Ngân Hàng	-0.6%	3.6%	10.1%	26.6%	-9.0%	-9.0%	22.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	2.8%	4.9%	28.7%	0.1%	0.1%	15.6%
VN Diamond	-0.8%	6.0%	11.0%	34.5%	-11.4%	-11.4%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.1%	4.3%	10.1%	29.0%	-14.8%	-14.8%	22.1%
Stay-at-home	-1.1%	2.0%	3.7%	34.1%	-2.7%	-2.7%	22.1%
Dầu khí	-1.2%	5.4%	9.6%	40.4%	-24.1%	-24.1%	15.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	22.7%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.8%	3.8%	8.0%	41.5%	-14.2%	-14.2%	20.9%
S21	0.2%	3.8%	7.0%	31.4%	-11.0%	-11.0%	19.9%
L22	-0.3%	4.6%	6.9%	36.0%	-10.8%	-10.8%	19.5%
M22	-0.4%	3.2%	9.9%	32.5%	-6.9%	-6.9%	18.9%
S32	-0.5%	4.2%	9.5%	42.3%	-16.5%	-16.5%	22.2%
S11	-0.6%	3.4%	8.6%	25.2%	-4.3%	-4.3%	18.8%
M12	-0.7%	4.9%	10.1%	28.0%	-8.6%	-8.6%	20.0%
L11	-0.7%	4.2%	7.3%	28.4%	-11.0%	-11.0%	17.3%
M31	-1.1%	3.1%	7.3%	28.7%	-12.2%	-12.2%	20.9%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.6%	4.9%	8.4%	35.3%	-2.6%	-2.6%	17.4%
LOW1	-0.7%	4.2%	8.4%	24.3%	-8.3%	-8.3%	17.1%
HIGH3	-1.8%	1.8%	4.9%	32.5%	-5.6%	-5.6%	18.9%
INDEX							
VNINDEX	-0.2%	2.3%	8.2%	25.6%	-13.4%	-13.4%	16.9%
VN30INDEX	-0.4%	2.7%	9.1%	27.8%	-11.2%	-11.2%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	6	18	18	6	14	10
Mục tiêu	9	2	7	9	0	4	5
Rủi ro	3	0	3	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

GEX_Nhịp tăng mạnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh bolinger trên.

Nhận định: GEX đang hình thành xu hướng tăng mạnh sau khi chạm ngưỡng đáy ngắn hạn tại mức giá 15.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. GEX nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 22 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 16-17, chốt lãi tại vùng giá 21-22 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 15.0.



Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 14/5

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 14/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	25.36	0.28%	7.70%	-7.40%	-57.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.05	-0.48%	-1.40%	-13.50%	-53.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	84.07	-1.41%	-9.70%	7.80%	-55.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1714.46	-0.11%	-0.10%	-0.70%	34.01%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.48	-0.65%	0.90%	-1.70%	7.87%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	837.25	-0.27%	-0.80%	-2.10%	-7.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	501.50	-0.05%	-4.00%	-8.80%	1.62%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.39	0.26%	15.70%	26.30%	-6.84%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.30	-0.53%	-1.20%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.26	0.10%	-0.10%	-0.30%	-24.28%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	105.05	-2.14%	-5.00%	-12.90%	0.38%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5224.00	-0.62%	1.30%	4.40%	-14.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3459.00	-0.12%	0.90%	4.20%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1480.00	0.17%	-0.30%	1.00%	-20.22%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	644.00	0.55%	4.20%	7.80%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.10	1.75%	4.50%	-8.20%	-34.37%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 giảm 79 US cent (2.6%) xuống 29.19 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 giảm 49 US cent (1.9%) xuống 25.29 USD/thùng.
- Tại một sự kiện với Viện Kinh tế Quốc tế Peterson (PIIE), Chủ tịch FED, ông Jerome Powell, cho biết có thể cần thêm nhiều động thái để hỗ trợ cho nền kinh tế. Con đường hồi phục sẽ không dễ dàng. Trước đó, Bộ Lao động Mỹ thông báo nền kinh tế Mỹ đã mất 20.5 triệu việc làm trong tháng 4/2020.
- Tồn trữ dầu thô của Mỹ tuần trước đã giảm 745.000 thùng, theo Cơ quan thông tin Năng lượng nước này (EIA). Theo EIA, các kho chứa dầu ở trung tâm dự trữ Cushing, Oklahoma (Mỹ) đã giảm 3 triệu thùng, và tỷ lệ lấp đầy công suất dự trữ hiện đạt 80%. EIA dự báo sản lượng dầu Mỹ sẽ giảm 540,000 thùng/ngày, nhiều hơn mức giảm 470,000 thùng/ngày dự báo trước đó.
- EIA dự báo nhu cầu dầu thế giới năm nay sẽ giảm 8.1 triệu thùng/ngày xuống 92.6 triệu thùng/ngày, so với mức dự báo trước đó là giảm 5.2 triệu thùng/ngày. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) cũng hạ dự báo về nhu cầu dầu năm nay, cho rằng sẽ giảm 9.07 triệu thùng/ngày, nhiều hơn mức giảm 6.85 triệu thùng/ngày đưa ra hồi tháng trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,709.75 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tăng 0.6% lên 1,716.4 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trong phiên vừa qua sau khi ông Jerome Powell cam kết sẽ mở rộng các biện pháp kích thích kinh tế nếu cần, để giảm bớt những tác động tiêu cực từ Covid-19.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 2.1% so với phiên liền trước. Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.3% lên 3,464 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng tăng 0.3% lên 3,337 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc đã tăng lên mức cao nhất trong vòng 9 tháng rưỡi trong phiên vừa qua do nhu cầu tăng khi các nhà máy thép thúc đẩy sản xuất khi lợi nhuận được cải thiện.

Giá cao su

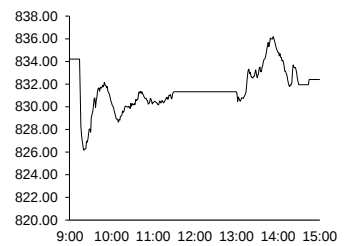
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.2 JPY xuống 152.1 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 1% xuống 10,210 CNY/tấn.
- Giá cao su tiếp tục giảm phiên thứ 2 liên tiếp do nhà đầu tư lo ngại về làn sóng lây nhiễm virus corona thứ 2 nổi lên ở nhiều nước trong quá trình nới lỏng các chính sách giãn cách xã hội.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 2.3 US cent (2.1%) xuống 1.0505 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 33 USD (2.8%) xuống 1,147 USD/tấn. Giá cà phê arabica trên sàn New York giảm phiên thứ 3 liên tiếp do triển vọng sản lượng của Brazil sẽ cao và nguy cơ nhu cầu tiếp tục yếu.

Hình 1

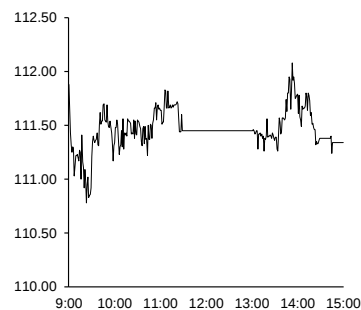
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

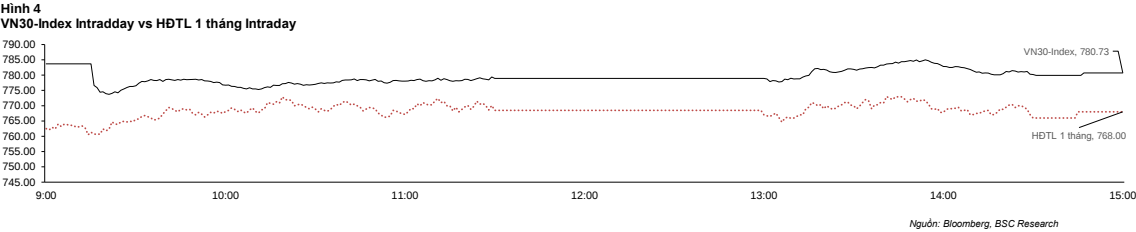
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.65%
Tài nguyên Cơ bản	-0.94%
Bất động sản	-0.23%
Du lịch và Giải trí	-0.20%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.33%
Ô tô và phụ tùng	0.35%
Truyền thông	0.59%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.60%
Công nghệ Thông tin	0.69%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.75%
Xây dựng và Vật liệu	0.99%
Ngân hàng	1.08%
Dịch vụ tài chính	1.22%
Hóa chất	1.83%
Thực phẩm và đồ uống	1.99%
Bảo hiểm	2.46%
Dầu khí	2.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.60%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	768.00	-0.30%	-12.73	-19.6%	220,617	5/21/2020	7
VN30F2006	754.20	-0.37%	-26.53	-13.8%	1,395	6/18/2020	35
VN30F2009	746.00	0.00%	-34.73	-42.5%	123	9/17/2020	126
VN30F2012	744.50	-0.67%	-36.23	158.5%	641	12/17/2020	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index giảm -2.96 điểm xuống mức 780.73 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HDB, VPB, VNM, FPT, và VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống dưới 775 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 780 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 775-785 điểm trong những phiên tiếp theo.
 - Ngoại trừ VN30F2009, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn..

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMSN2001	KIS	12/16/2020	216	5:1	56,490	238.3%	2.0 triệu	32.81%	2,300	2,250	8.70%	1,292.70	1.74
CSTB2003	KIS	9/16/2020	125	1:1	107,960	-11.8%	3.0 triệu	37.64%	1,360	1,280	6.67%	545.30	2.35
CDPM2001	KIS	6/19/2020	36	2:1	51,280	406.7%	2.0 triệu	38.15%	1,000	1,200	2.56%	242.00	4.96
CVRE2001	KIS	9/21/2020	130	4:1	576,070	-1.4%	8.0 triệu	30.06%	1,500	150	0.00%	29.20	5.14
CFPT2005	VND	7/11/2020	48	1:1	55,650	-49.5%	1.0 triệu	32.53%	2,900	9,490	-0.94%	8,599.70	1.10
CVPB2001	HSC	6/22/2020	39	3:1	78,080	-66.9%	5.0 triệu	28.04%	1,500	2,000	-2.44%	1,947.20	1.03
CFPT2003	SSI	11/9/2020	179	1:1	21,080	-63.7%	2.0 triệu	32.53%	7,300	12,350	-3.74%	9,957.20	1.24
CHPG2001	HSC	6/30/2020	47	2:1	78,370	-20.9%	5.0 triệu	33.39%	1,800	980	-3.92%	595.30	1.65
CVHM2001	KIS	12/16/2020	216	5:1	82,880	-26.2%	2.0 triệu	34.63%	3,100	1,160	-4.13%	334.10	3.47
CFPT2004	SSI	8/10/2020	88	1:1	17,730	-75.7%	2.0 triệu	32.53%	5,100	9,880	-4.17%	8,215.30	1.20
CMBB2002	SSI	8/10/2020	88	1:1	157,810	26.5%	3.0 triệu	32.81%	1,300	1,450	-5.23%	896.90	1.62
CSTB2001	KIS	6/19/2020	36	1:1	221,750	-47.5%	5.0 triệu	62.71%	1,500	350	-5.41%	170.10	2.06
CVNM2001	HSC	6/22/2020	39	10:1	208,650	13.4%	5.0 triệu	30.32%	1,700	480	-5.88%	236.10	2.03
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	69	1:1	73,450	-35.8%	1.5 triệu	30.06%	2,200	2,200	-5.98%	2,723.90	0.81
CMBB2003	SSI	11/9/2020	179	3:1	92,000	110.5%	3.0 triệu	32.81%	2,000	2,280	-6.17%	1,457.60	1.56
CFPT1908	MBS	6/17/2020	34	1:1	73,580	-78.5%	2.4 triệu	32.53%	3,150	1,500	-6.25%	1,402.70	1.07
CHPG2004	SSI	6/15/2020	32	1:1	207,510	73.1%	5.0 triệu	33.39%	2,800	1,490	-6.88%	1,232.70	1.21
CVRE2003	KIS	12/16/2020	216	2:1	134,930	4.0%	3.0 triệu	41.58%	3,000	730	-7.59%	159.90	4.57
CDPM2002	KIS	12/16/2020	216	1:1	41,800	1678.7%	2.0 triệu	38.15%	1,700	2,430	-7.95%	1,331.30	1.83
CFPT2001	HSC	6/22/2020	39	5:1	159,760	-37.1%	5.0 triệu	32.53%	1,600	800	-10.11%	621.60	1.29
Tổng:					2,496,830		66.90 triệu	34.96%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 14/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
 - Về giá, CMSN2002 và CMSN2001 tăng mạnh lần lượt là 14.89% và 8.70%. Trái lại, CVRE2004 và CDPM2002 giảm mạnh lần lượt là -15.45% và -7.95%. Giá trị giao dịch giảm -39.40%. CFPT2005 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.15% thị trường.
 - Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	63.90	3.23	1.23
VIC	96.00	1.05	0.63
VCB	76.00	0.53	0.21
STB	10.05	0.90	0.21
EIB	15.35	0.66	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	23.0	-2.95	-0.62
VPB	23.7	-1.05	-0.56
FPT	48.7	-1.32	-0.53
VNM	113.0	-0.62	-0.52
VHM	70.6	-1.12	-0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2001	77,289	65,789	63,900
CSTB2003	12,471	11,111	10,050
CDPM2001	16,567	14,567	14,050
CVRE2001	42,789	36,789	24,050
CFPT2005	51,900	49,000	48,700
CVPB2001	23,000	20,000	23,650
CFPT2003	57,300	50,000	48,700
CHPG2001	27,600	24,000	23,950
CVHM2001	110,067	94,567	70,600
CFPT2004	55,100	50,000	48,700
CMBB2002	19,300	18,000	17,300
CSTB2001	12,499	10,999	10,050
CVNM2001	137,000	120,000	113,000
CVPB2003	24,200	22,000	23,650
CMBB2003	20,000	18,000	17,300
CFPT1908	63,450	54,000	48,700
CHPG2004	26,300	23,500	23,950
CVRE2003	43,999	37,999	24,050
CDPM2002	16,952	15,252	14,050
CFPT2001	64,000	56,000	48,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.0	-1.1%	1.2	1,634	3.8	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.6	-2.0%	1.3	623	2.8	5,248	12.1	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.7	-1.6%	1.3	1,604	2.1	1,168	42.5	1.9	28.6%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	33.4	9.9%	0.5	325	0.0	2,092	16.0	1.1	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.0	1.1%	0.9	14,118	4.1	2,095	45.8	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	24.1	-1.8%	1.1	2,376	4.1	1,226	19.6	2.0	31.2%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.6	0.2%	0.8	2,217	2.8	3,584	14.7	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	-0.2%	0.8	431	0.6	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.0	0.5%	1.4	248	1.6	2,289	4.8	0.8	39.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.3	1.4%	1.3	372	3.6	1,415	10.1	0.8	50.6%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.7	4.1%	1.0	162	1.0	4,240	5.4	0.9	33.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.6	3.1%	1.7	246	3.0	1,480	12.5	1.3	54.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.7	-1.3%	0.8	1,660	5.5	4,804	10.1	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.0	-1.0%	0.4	519	0.0	4,812	10.0	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.5	-1.2%	1.4	5,950	2.1	5,820	12.3	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.6	-0.1%	1.5	2,361	2.0	869	52.5	2.9	13.2%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	-1.5%	1.5	266	2.2	1,777	7.2	0.5	13.1%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.5	1.6%	0.8	876	1.9	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	-0.6%	0.5	523	0.1	5,046	18.2	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.1	-3.1%	0.6	239	1.6	1,006	14.0	0.7	14.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.6	-2.5%	0.5	197	0.5	415	20.6	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	76.0	0.5%	1.2	12,255	7.0	4,848	15.7	3.3	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.7	0.3%	1.5	6,942	3.5	2,140	18.5	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.4	-1.4%	1.2	3,456	5.4	2,510	8.5	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	23.7	-1.0%	1.2	2,507	5.2	3,750	6.3	1.3	23.1%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-1.1%	1.1	1,814	5.6	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.4	-1.4%	1.0	1,547	3.6	3,780	5.7	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	46.8	-1.5%	0.8	167	0.4	5,303	8.8	1.5	79.2%	17.0%
NTP	Nhựa	35.9	1.4%	0.4	153	0.1	4,208	8.5	1.4	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.0%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	24.0	-0.6%	1.1	2,875	6.8	2,764	8.7	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	9.1	0.3%	1.6	175	4.1	1,491	6.1	0.7	17.5%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	113.0	-0.6%	0.7	8,555	6.9	5,453	20.7	6.6	58.5%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	172.2	0.1%	0.8	4,801	0.3	6,719	25.6	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.9	3.2%	1.0	3,248	7.1	3,961	16.1	1.8	36.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-1.3%	0.8	376	1.5	141	104.9	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	58.5	-1.0%	0.8	5,537	1.2	3,450	17.0	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	114.0	-0.8%	1.1	2,596	2.6	7,110	16.0	4.0	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	27.7	-0.9%	1.7	1,708	1.3	1,654	16.7	2.2	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	0.3%	0.9	252	0.5	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	-0.9%	1.0	133	1.1	2,117	5.1	0.7	25.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.1	-2.1%	1.0	446	1.0	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.1	2.1%	0.7	332	0.1	1,453	11.7	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	0.0%	1.0	234	0.2	1,938	7.3	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.0	-2.3%	1.2	229	0.9	8,032	8.6	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	-0.4%	0.4	484	0.0	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.7	-1.7%	0.4	214	1.1	1,775	11.6	1.0	45.4%	8.5%
POW	Điện	10.2	-1.5%	0.6	1,033	2.1	1,028	9.9	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	21.1	-1.2%	0.5	264	0.3	2,543	8.3	1.4	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	96.00	1.05	0.97	1.00MLN
MSN	63.90	3.23	0.67	2.57MLN
VCB	76.00	0.53	0.42	2.12MLN
GEX	16.40	6.84	0.15	6.05MLN
BID	39.70	0.25	0.12	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.77	2.27MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.49	688000.00	607060.00
VNM	0.00	-0.35	1.40MLN	373600.00
GVR	0.00	-0.34	1.40MLN	192700.00
CTG	0.00	-0.32	5.83MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHM	7.49	7.00	0.00	476010.00
CLL	29.10	6.99	0.02	2770.00
VRC	6.95	6.92	0.01	288140.00
DIC	1.70	6.92	0.00	1.01MLN
TEG	3.40	6.92	0.00	95850.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	21.50	-8.12	-0.05	416310.00
HTL	13.95	-7.00	0.00	200.00
TCD	9.86	-6.98	-0.01	1590.00
CMV	12.00	-6.98	0.00	2460.00
LM8	20.75	-6.95	0.00	3160.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	31.90	4.93	0.12	207800.00
PVI	33.40	9.87	0.11	27200.00
HUT	2.00	5.26	0.02	3.81MLN
VIX	5.00	4.17	0.02	55600.00
ART	3.00	7.14	0.02	5.58MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.40	-1.38	-0.49	3.83MLN
SHB	17.20	-0.58	-0.13	2.68MLN
DL1	11.20	-9.68	-0.06	1200.00
PVS	12.80	-1.54	-0.05	4.00MLN
VCS	66.10	-2.07	-0.05	348800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

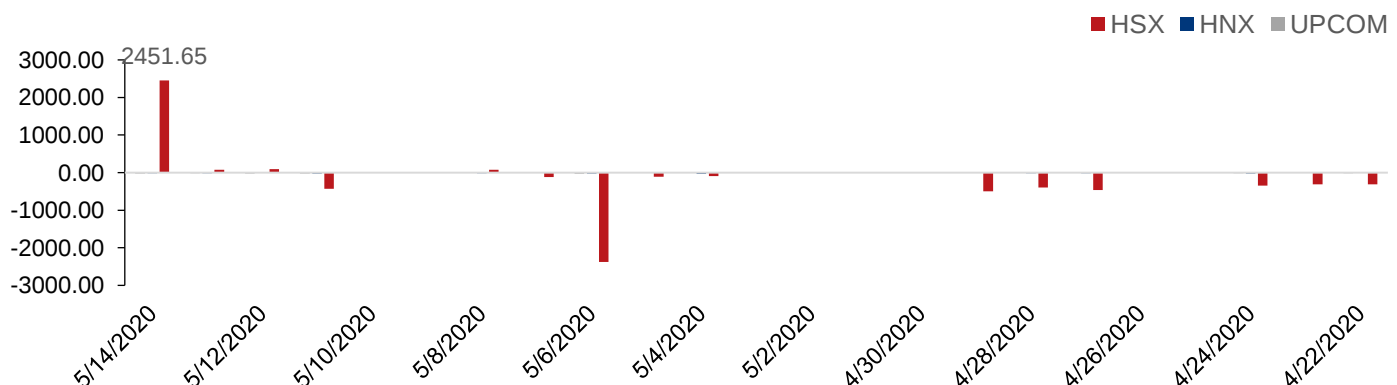
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.00	363200.00
SPI	1.00	11.1	0.00	376600.00
VIG	1.00	11.1	0.00	76800.00
DST	3.30	10.0	0.01	304500.00
VNF	28.60	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.80	-11.11	-0.01	484300.00
PVX	0.80	-11.11	-0.02	9.75MLN
PBP	5.50	-9.84	0.00	100.00
VXB	6.50	-9.72	0.00	700.00
DL1	11.20	-9.68	-0.06	1200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.3	5,311	4.0	1.0	Click
2	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.7	4,465	6.0	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	76.0	4,848	15.7	3.3	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	21.4	3,780	5.7	1.2	Click
5	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	32.0	6,553	4.9	1.2	Click
6	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.5	3,887	11.4	2.2	Click
7	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.7	4,804	10.1	2.3	Click
8	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.3	1.0	Click
9	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.1	1,880	6.9	0.6	Click
10	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	172.2	6,719	25.6	6.4	Click
11	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	23.0	1,782	12.9	1.6	Click
12	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	113.0	5,453	20.7	6.6	Click
13	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.0	8,808	9.4	2.8	Click
15	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.0	6,553	4.9	1.2	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.7	4,804	10.1	2.3	Click
17	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.4	2,282	8.5	1.4	Click
18	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	92.0	5,046	18.2	3.4	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	3/1/2020	86.5	99.7					Click
20	PVT	Vận tải	Theo dõi	3/2/2002	16.8	20.2					Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%/yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoáng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%/yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%/yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%/yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%/yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%/yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%/yoy) và 632 tỷ (-23%/yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door-to-door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn